



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Huyñh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 18 tháng 2 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00304-22-4



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2022



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		490.517.309.339	331.751.119.587
Tiền	110	6	45.465.064.177	37.098.441.283
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7(a)	215.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		215.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.282.909.364	74.832.418.494
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	30.435.555.324	52.714.479.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.646.727.028	21.723.940.705
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.562.921.677	2.077.531.884
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.362.496.330)	(2.729.225.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		201.665	1.045.691.104
Hàng tồn kho	140	9	188.381.237.477	174.083.943.736
Hàng tồn kho	141		188.943.594.046	174.726.902.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(562.356.569)	(642.958.526)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.388.098.321	5.736.316.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.384.187.086	5.732.404.839
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		446.581.041.863	472.318.564.823
Tài sản cố định	220		377.978.995.741	382.110.437.351
Tài sản cố định hữu hình	221	10	377.342.935.134	381.438.013.108
Nguyên giá	222		1.526.014.684.237	1.462.707.461.710
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.148.671.749.103)	(1.081.269.448.602)
Tài sản cố định vô hình	227	11	636.060.607	672.424.243
Nguyên giá	228		1.479.636.190	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(843.575.583)	(807.211.947)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.186.586.248	7.545.867.292
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.609.251.823)	(2.249.970.779)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.854.940.071	655.011.307
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	3.854.940.071	655.011.307
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	975.860.000	19.406.520.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		975.860.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		56.584.659.803	62.600.728.873
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	52.748.413.151	58.775.700.349
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.836.246.652	3.825.028.524
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		937.098.351.202	804.069.684.410

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		383.004.502.715	308.831.407.519
Nợ ngắn hạn	310		357.002.711.814	283.781.245.355
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.861.864.205	14.718.897.357
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.007.840.875	4.374.069.135
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	192.694.802.829	122.699.351.252
Phải trả người lao động	314		25.231.154.991	26.995.615.387
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.571.389.262	3.460.884.875
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	24.545.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	21.686.903.909	56.878.536.515
Vay ngắn hạn	320	18	77.000.000.000	47.855.837.646
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	7.948.755.743	6.773.507.733
Nợ dài hạn	330		26.001.790.901	25.050.162.164
Phải trả dài hạn khác	337		7.167.500.000	6.649.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	18.834.290.901	18.400.662.164
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		554.093.848.487	495.238.276.891
Vốn chủ sở hữu	410	21	554.093.848.487	495.238.276.891
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	85.122.415.191	74.810.094.569
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.492.718.603	121.949.467.629
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		86.420.164.945	67.599.641.028
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		84.072.553.658	54.349.826.601
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		937.098.351.202	804.069.684.410

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.191.308.836.374	1.207.164.990.860
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	64.647.518	15.893.182
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.191.244.188.856	1.207.149.097.678
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	876.117.420.107	895.889.134.850
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		315.126.768.749	311.259.962.828
Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.626.040.993	3.491.032.863
Chi phí tài chính	22		3.137.280.437	3.382.380.168
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.980.848.915	3.382.308.682
Chi phí bán hàng	25	28	53.629.969.483	51.175.437.200
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	70.412.715.383	67.293.816.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		196.572.844.439	192.899.362.125
Thu nhập khác	31		5.731.771.240	10.719.227.032
Chi phí khác	32		2.930.619.117	4.383.159.820
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.801.152.123	6.336.067.212
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		199.373.996.562	199.235.429.337
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	40.696.041.032	40.497.327.651
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(11.218.128)	(74.992.915)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		158.689.173.658	158.813.094.601
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	4.506	4.313

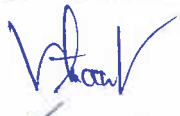
Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	199.373.996.562	199.235.429.337
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	71.190.787.472	80.145.380.691
Các khoản dự phòng	03	384.974.401	2.256.883.439
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.042.223	(2.095.025)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.107.504.673)	(3.173.049.716)
Chi phí lãi vay	06	2.980.848.915	3.382.308.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	265.836.144.900	281.844.857.408
Biến động các khoản phải thu	09	23.241.591.325	(7.817.752.796)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.216.691.784)	18.980.881.161
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	78.854.609.362	6.382.385.339
Biến động chi phí trả trước	12	5.375.504.951	(4.165.957.229)
		359.091.158.754	295.224.413.883
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.363.159.582)	(3.482.572.742)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.531.879.081)	(46.053.515.135)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	375.060.000	566.210.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.417.509.611)	(26.774.098.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	292.153.670.480	219.480.437.567
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(53.664.190.788)	(36.359.579.020)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	523.636.364	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(435.000.000.000)	(355.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	260.000.000.000	315.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	26	30.660.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.655.983.320	3.488.937.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(220.453.911.104)	(72.870.641.182)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	821.906.000.574	693.300.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.361.838.220)	(705.553.468.813)
Tiền chi trả cổ tức	36	(110.864.256.613)	(100.434.465.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.320.094.259)	(112.687.933.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.379.665.117	33.921.862.477
Tiền đầu năm	60	37.098.441.283	3.174.483.781
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(13.042.223)	2.095.025
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	45.465.064.177	37.098.441.283

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

2-0
 AN
 TR
 IG
 CH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 491 nhân viên (1/1/2021: 487 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhóm Công ty. Ban Điều hành Công ty và công ty con đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Điều hành Công ty và công ty con vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	620.927.723	929.202.826
Tiền gửi ngân hàng	44.844.136.454	36.169.238.457
	45.465.064.177	37.098.441.283

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 5,7% một năm (1/1/2021: từ 5,4% đến 5,9% một năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2021		Giá trị hợp lý VND
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	120.513	20%	975.860.000	-	(*)
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2021		Giá trị hợp lý VND
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	19.406.520.000	19.406.520.000
Thu hồi khoản đầu tư thông qua cân trừ với khoản vay ngắn hạn	(18.400.000.000)	-
Thu hồi khoản đầu tư bằng tiền	(30.660.000)	-
	975.860.000	19.406.520.000

Trong năm, Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên, công ty liên kết của Nhóm Công ty, đã giảm thành công vốn cổ phần từ 98.100 triệu VND xuống còn 6.021 triệu VND. Do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại công ty liên kết vẫn giữ là 20% sau khi thu hồi khoản đầu tư.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	25.125.466.294	44.976.587.953
Các khách hàng khác	5.310.089.030	7.737.891.934
	30.435.555.324	52.714.479.887

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	25.125.466.294	44.976.587.953
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	182.338.750	-
	26.317.805.044	44.976.587.953

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.250.031.199	-	601.001.000	-
Nguyên vật liệu	81.492.580.621	(562.356.569)	61.883.616.513	(642.958.526)
Công cụ và dụng cụ	66.596.167.954	-	63.517.367.546	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.830.274.357	-	27.829.954.485	-
Thành phẩm	13.720.793.981	-	20.878.976.689	-
Hàng hóa	53.745.934	-	14.052.493	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.933.536	-
	188.943.594.046	(562.356.569)	174.726.902.262	(642.958.526)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	642.958.526	-
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(80.601.957)	642.958.526
Số dư cuối năm	562.356.569	642.958.526

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	249.044.545.486	1.182.460.210.044	23.180.338.404	6.779.888.942	1.242.478.834	1.462.707.461.710
Tăng trong năm	54.300.000	12.181.026.991	-	84.720.727	-	12.320.047.718
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.834.326.551	52.476.887.755	-	-	-	55.311.214.306
Thanh lý	-	(1.446.000.000)	(37.130.406)	-	-	(1.483.130.406)
Xóa sổ	-	(2.840.909.091)	-	-	-	(2.840.909.091)
Số dư cuối năm	251.933.172.037	1.242.831.215.699	23.143.207.998	6.864.609.669	1.242.478.834	1.526.014.684.237
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	118.615.508.868	942.704.260.956	14.175.440.048	4.923.726.747	850.511.983	1.081.269.448.602
Khấu hao trong năm	12.740.603.780	55.416.144.675	2.004.723.768	587.920.677	45.749.892	70.795.142.792
Thanh lý	-	(514.802.794)	(37.130.406)	-	-	(551.933.200)
Xóa sổ	-	(2.840.909.091)	-	-	-	(2.840.909.091)
Số dư cuối năm	131.356.112.648	994.764.693.746	16.143.033.410	5.511.647.424	896.261.875	1.148.671.749.103
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	130.429.036.618	239.755.949.088	9.004.898.356	1.856.162.195	391.966.851	381.438.013.108
Số dư cuối năm	120.577.059.389	248.066.521.953	7.000.174.588	1.352.962.245	346.216.959	377.342.935.134



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 901.848 triệu VND (1/1/2021: 522.440 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 114.745 triệu VND (1/1/2021: 48.659 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	578.211.947	229.000.000	807.211.947
Khấu hao trong năm	-	36.363.636	-	36.363.636
Số dư cuối năm	-	614.575.583	229.000.000	843.575.583
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	172.424.243	-	672.424.243
Số dư cuối năm	500.000.000	136.060.607	-	636.060.607

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 797 triệu VND (1/1/2021: 735 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	4.778.925.248	5.138.206.292
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<u>7.186.586.248</u>	<u>7.545.867.292</u>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.249.970.779
Khấu hao trong năm	359.281.044
Số dư cuối năm	<u>2.609.251.823</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.138.206.292
Số dư cuối năm	<u>4.778.925.248</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	655.011.307	1.681.717.228
Tăng trong năm	58.511.143.070	17.724.074.925
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.311.214.306)	(18.568.962.664)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(181.818.182)
Số dư cuối năm	3.854.940.071	655.011.307

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuế cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	26.551.949.825	12.106.432.853	14.620.050.792	5.497.266.879	58.775.700.349
Tăng trong năm	12.074.026.654	5.202.623.626	120.100.268	4.495.792.381	21.892.542.929
Phân loại lại	219.088.211	(992.896.886)	-	773.808.675	-
Phân bổ trong năm	(16.320.128.309)	(7.100.275.671)	(529.976.784)	(3.457.226.152)	(27.407.606.916)
Thanh lý	(512.223.211)	-	-	-	(512.223.211)
Số dư cuối năm	22.012.713.170	9.215.883.922	14.210.174.276	7.309.641.783	52.748.413.151



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.699.895.974	1.269.459.419
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	2.525.344.517	1.483.395.650
Các nhà cung cấp khác	15.636.623.714	11.966.042.288
	21.861.864.205	14.718.897.357

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.699.895.974	1.269.459.419
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	332.651.036	183.528.400

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

112
HI N
NG
KF
PHỒ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.428.100.675	275.024.177.106	(141.262.051.314)	(123.023.927.943)	23.166.298.524
Thuế tiêu thụ đặc biệt	92.695.166.564	889.364.824.402	-	(829.520.044.649)	152.539.946.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.189.071.256	40.696.041.032	-	(40.531.879.081)	15.353.233.207
Thuế thu nhập cá nhân	2.208.416.479	6.280.539.056	-	(6.911.979.494)	1.576.976.041
Tiền thuế đất, thuế đất	-	2.984.965.567	-	(2.984.965.567)	-
Các loại thuế khác	178.596.278	913.789.125	-	(1.034.036.663)	58.348.740
	122.699.351.252	1.215.264.336.288	(141.262.051.314)	(1.004.006.833.397)	192.694.802.829

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	11.729.768.213	47.135.279.768
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.966.371.378	1.874.535.800
Phải trả ngắn hạn khác	6.990.764.318	7.868.720.947
	21.686.903.909	56.878.536.515

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong năm		31/12/2021
		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
				1/1/2021
				Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	821.906.000.574	(774.306.000.574)	77.000.000.000
	Vay dài hạn đến hạn trả	-	(18.455.837.646)	-
		47.855.837.646	821.906.000.574	(792.761.838.220)
				77.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	3,7% - 4,0%	77.000.000.000	-
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (ii)	VND	0,5%	-	18.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iii)	VND	6,0%	-	11.000.000.000
			77.000.000.000	29.400.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng 90.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Agribank tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 90.713 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: Không) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 của khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, không có đảm bảo. Khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm bằng cách cán trừ với khoản đầu tư tại công ty liên kết này.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng 25.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không được đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Nhóm Công ty có một hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Đắk Lắk với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.032 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 27.075 triệu VND) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	-	8.812.500.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	-	9.643.337.646
					- 18.455.837.646
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				-	(18.455.837.646)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 của những khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 21.584 triệu VND theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTB ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 11). Các khoản vay này đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	6.773.507.733	2.770.773.797
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	24.185.750.000	30.086.790.000
Tăng khác	283.140.000	566.210.000
Sử dụng trong năm	(23.293.641.990)	(26.650.266.064)
Số dư cuối năm	<u>7.948.755.743</u>	<u>6.773.507.733</u>

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.985.361.063	8.415.301.101	18.400.662.164
Dự phòng trích lập trong năm	465.576.358	-	465.576.358
Dự phòng sử dụng trong năm	(31.947.621)	-	(31.947.621)
Số dư cuối năm	<u>10.418.989.800</u>	<u>8.415.301.101</u>	<u>18.834.290.901</u>

- (*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.813.094.601	158.813.094.601
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	121.949.467.629	495.238.276.891
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.689.173.658	158.689.173.658
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 24)	-	-	10.312.320.622	(10.312.320.622)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(24.185.750.000)	(24.185.750.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.031.232.062)	(1.031.232.062)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(74.616.620.000)	(74.616.620.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	298.466.480.000	12.234.693	85.122.415.191	170.492.718.603	554.093.848.487

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 12 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 104.463 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 10 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty và công ty con lần lượt là 7.762 triệu VND và 2.550 VND (2020: 10.352 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Thông báo giá thuê ổn định đến	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lô đất 1	31-12-2056	31-12-2025	2.971.824.811	3.714.781.014
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2023	2.036.990.592	3.917.289.600
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2022	421.767.772	579.681.347
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2022	166.571.181	231.977.137
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2022	902.473.541	1.256.839.432
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2022	244.094.304	332.515.246
Lô đất 7	10-10-2036	31-5-2026	507.554.500	45.538.943
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2026	896.860.800	70.804.800
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	920.317.440	1.210.944.000
Lô đất 10	10-10-2036	31-5-2026	3.646.431.800	353.603.811
Lô đất 11	10-10-2036	31-5-2026	1.167.119.360	113.171.040
Lô đất 12	31-12-2048	31-12-2022	29.808.720	29.808.720
			13.911.814.821	11.856.955.090

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	33.051	748.270.488	94	2.179.005
EUR	545	13.832.791	572	15.988.579
		762.103.279		18.167.584

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2021	1/1/2021
Bia Lowen 330	Két	1.112	115
Bia Sài Gòn 355	Két	-	290



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.123.707.489.737	1.145.061.992.179
▪ Cung cấp dịch vụ	47.987.365.004	43.817.088.050
▪ Doanh thu khác	19.613.981.633	18.285.910.631
	<hr/>	<hr/>
	1.191.308.836.374	1.207.164.990.860
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	17.381.818	15.893.182
▪ Hàng bán bị trả lại	47.265.700	-
	<hr/>	<hr/>
	64.647.518	15.893.182
	<hr/>	<hr/>
	1.191.244.188.856	1.207.149.097.678
	<hr/>	<hr/>

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021	2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	859.901.549.241	884.824.439.057
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.643.319.008	7.640.200.465
▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(80.601.957)	642.958.526
▪ Giá vốn khác	4.653.153.815	2.781.536.802
	<hr/>	<hr/>
	876.117.420.107	895.889.134.850
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	9.172.608.494	7.565.393.697
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	9.341.869.100	10.134.763.895
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.508.454.027	1.683.499.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.278.224.157	20.150.214.012
Chi phí bán hàng khác	10.328.813.705	11.641.565.980
	53.629.969.483	51.175.437.200

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	36.658.649.526	33.204.075.988
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.075.603.049	4.402.854.786
Chi phí thuê	3.975.948.086	5.002.858.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.902.444.166	3.478.148.819
Chi phí quản lý khác	21.800.070.556	21.205.877.926
	70.412.715.383	67.293.816.198

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	668.535.194.961	694.269.294.618
Chi phí nhân công và nhân viên	115.072.950.851	104.333.512.585
Chi phí khấu hao và phân bổ	71.190.787.472	80.145.380.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.755.745.205	78.427.528.004
Chi phí khác	54.495.990.017	56.052.548.735

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	40.417.999.485	40.486.984.318
Dự phòng thiếu trong những năm trước	278.041.547	10.343.333
	<hr/> 40.696.041.032	<hr/> 40.497.327.651
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(11.218.128)	(74.992.915)
	<hr/> 40.684.822.904	<hr/> 40.422.334.736

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	199.373.996.562	199.235.429.337
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.874.799.312	39.847.085.867
Chi phí không được khấu trừ thuế	568.135.945	601.059.436
Dự phòng thiếu trong những năm trước	278.041.547	10.343.333
Thu nhập không bị tính thuế	(36.153.900)	(36.153.900)
	<hr/> 40.684.822.904	<hr/> 40.422.334.736

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	158.689.173.658	158.813.094.601
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(24.185.750.000)	(30.086.790.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>134.503.423.658</u>	<u>128.726.304.601</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	3.493.250.000	9.715.970.000
Cổ tức đã nhận	180.769.500	180.769.500
Chi phí lãi vay	49.654.742	91.748.000
Thu hồi khoản đầu tư	18.430.660.000	-
Hoàn trả khoản vay	18.400.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	657.459.340.940	691.556.641.799
Giao dịch bán khác	910.405.157	911.361.500
Mua nguyên vật liệu	377.109.233.341	375.408.156.311
Cổ tức đã trả	57.704.178.000	33.660.770.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán công cụ và dụng cụ	1.791.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	-	1.879.137.200
Chi phí sử dụng vỏ chai	534.485.158	720.780.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	890.324.369	714.502.443
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	180.000.000
Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Phước – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thành viên	91.000.000	126.000.000
Ông Phạm Văn Phong – Thành viên	91.000.000	126.000.000



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương cơ bản</i>		
Ông Huỳnh Văn Dũng – Tổng Giám đốc	701.244.444	685.173.000
Ông Võ Thành Điền – Phó Tổng Giám đốc	466.479.996	455.786.000
Ông Vũ Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	466.479.996	455.786.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Ban	260.000.000	260.000.000
Ông Trịnh Văn Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ông Bùi Quang Đáng – Thành viên	52.000.000	52.000.000

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu hồi khoản đầu tư vào công ty liên kết thông qua cần trừ với khoản vay ngắn hạn	18.400.000.000	-

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 18 tháng 2 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc



